

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 19/7/2024.

V/v “*Tranh chấp xin ly hôn,  
nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Minh Nhựt**.

**Ông Hà Ứng Cường.**

*Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký  
TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Ông **Nguyễn Minh Vương**  
– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 57/2024/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST- HNGĐ ngày 17/5/2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị P**, sinh năm 1976.

\* Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: **ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.**

*(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Đinh Thị P** trình bày như sau:

Về hôn nhân: Năm 1999, chị và **Huỳnh Văn T** đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được **UBND xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang** cấp giấy chứng nhận ĐKKH ngày 23/10/2002.

Về con chung: chị và Huỳnh Văn T có 03 người con chung tên Huỳnh Thị Hồng L, sinh ngày 02/7/2000, Huỳnh Thị Cẩm L1, sinh ngày 03/5/2004, Huỳnh Thị Trúc L2, sinh ngày 19/7/2012. Hiện nay, Huỳnh Thị Hồng L, sinh ngày 02/7/2000, Huỳnh Thị Cẩm L1, sinh ngày 03/5/2004 đã trưởng thành không nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần. Còn Huỳnh Thị Trúc L2, sinh ngày 19/7/2012 hiện đang do tôi nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và Huỳnh Văn T tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Chị và Huỳnh Văn T không có.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến xô xát, sự việc chị có trình báo chính quyền địa phương. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị đã về nhà cha mẹ ruột sống từ mừng 4 tết (âm lịch) cho đến nay.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với chị Huỳnh Văn T.

- Về con chung và cấp dưỡng: Chị và Huỳnh Văn T có 03 người con chung tên Huỳnh Thị Hồng L, sinh ngày 02/7/2000, Huỳnh Thị Cẩm L1, sinh ngày 03/5/2004, Huỳnh Thị Trúc L2, sinh ngày 19/7/2012. Hiện nay, Huỳnh Thị Hồng L, sinh ngày 02/7/2000, Huỳnh Thị Cẩm L1, sinh ngày 03/5/2004 đã trưởng thành không nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần. Còn Huỳnh Thị Trúc L2, sinh ngày 19/7/2012 hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Trúc L2, sinh ngày 19/7/2012 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết giao cháu L2 cho anh T nuôi dưỡng thì chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và Huỳnh Văn T tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Chị và Huỳnh Văn T không có.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Văn T trình bày như sau: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đinh Thị P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về hôn nhân: Năm 1999, anh và chị Đinh Thị P đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận ĐKKH ngày 23/10/2002.

Về con chung: Anh và chị Đinh Thị P có 03 người con chung tên Huỳnh Thị Hồng L, sinh ngày 02/7/2000, Huỳnh Thị Cẩm L1, sinh ngày 03/5/2004, Huỳnh Thị Trúc L2, sinh ngày 19/7/2012. Hiện nay, Huỳnh Thị Hồng L, sinh ngày 02/7/2000, Huỳnh Thị Cẩm L1, sinh ngày 03/5/2004 đã trưởng thành không

nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần. Còn Huỳnh Thị Trúc L2, sinh ngày 19/7/2012 hiện đang do chị P nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh và chị Đinh Thị P tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Anh và chị Đinh Thị P không có.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến xô xát nhưng anh vẫn còn rất thương yêu vợ con, muốn được đoàn tụ gia đình nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị P.

Nay anh có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Đinh Thị P.

- Về con chung và cấp dưỡng: Anh và chị Đinh Thị P có 03 người con chung tên Huỳnh Thị Hồng L, sinh ngày 02/7/2000, Huỳnh Thị Cẩm L1, sinh ngày 03/5/2004, Huỳnh Thị Trúc L2, sinh ngày 19/7/2012. Hiện nay, Huỳnh Thị Hồng L, sinh ngày 02/7/2000, Huỳnh Thị Cẩm L1, sinh ngày 03/5/2004 đã trưởng thành không nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần. Còn Huỳnh Thị Trúc L2, sinh ngày 19/7/2012 hiện đang do chị P nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con là cháu Huỳnh Thị Trúc L2, sinh ngày 19/7/2012 và không yêu cầu cấp dưỡng. Trường hợp, Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Trúc L2, sinh ngày 19/7/2012 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết giao cháu L2 cho chị P nuôi dưỡng thì anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị Đinh Thị P tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Anh và chị Đinh Thị P không có.

**\* Tại phiên tòa:**

- Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Anh T giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Về phần con chung là cháu Huỳnh Thị Trúc L2, sinh ngày 19/7/2012. Anh đồng ý giao cháu lam cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị P. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Trúc L2, sinh ngày

19/7/2012 cho chị **P** chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Theo nội dung đơn khởi kiện của chị **Đinh Thị P1** thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh **Huỳnh Văn T** trong vụ án có nơi cư trú tại **huyện C** nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

### **[2] Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **P** và anh **T** đi đến hôn nhân năm 1999, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã B** và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/10/2002 theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Theo chị **P** trình bày: Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị **P** yêu cầu xin ly hôn vs anh **T**. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh **T** cho rằng còn tình cảm với chị **P**, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn nên anh muốn được đoàn tụ với chị **P**. Xét thấy, yêu cầu của chị là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến ngày xét xử, giữa chị **P** và anh **T** vẫn chưa hàn gắn được tình cảm vợ chồng, cả hai xác nhận hiện tại vẫn đang sống ly thân. Tại phiên tòa chị **P** vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh **T**. Từ đó, có căn cứ cho rằng hôn nhân giữa chị **P** và anh **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **P**.

- *Về con chung:* Chị **P** và anh **T** có 03 con chung tên **Huỳnh Thị Hồng L**, sinh ngày 02/7/2000. **Huỳnh Thị Cẩm L1**, sinh ngày 03/5/2004. **Huỳnh Thị Trúc L2**, sinh ngày 19/7/2012. Cháu **Huỳnh Hồng L** và cháu **Huỳnh Thị Cẩm L1** do đã trưởng thành nên chị **P**, anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **L2**. Xét thấy tại bản biên bản ghi nhận ý kiến của cháu **Huỳnh Thị Trúc L2**, sinh ngày 19/7/2012 thì cháu **L2** có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị **P** và tại phiên tòa hôm nay anh **T** cũng đồng ý giao cháu **L2** cho chị **P** chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận ý kiến của anh **T**. Giao cháu **L2** cho chị **P** chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị **P** nuôi dưỡng con chung thì anh **T** được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung,

không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị **P** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Chị **P1** và anh **T** tự thỏa có nên HĐXX không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị **P** và anh **T** xác nhận không có nên không yêu cầu nên HĐXX xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm**: Chị **Đinh Thị P** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đinh Thị P**.

1/ Về hôn nhân: Chị **Đinh Thị P** được ly hôn với anh **Huỳnh Văn T**.

2/ Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh **Huỳnh Văn T** đồng ý giao con chung tên **Huỳnh Thị Trúc L2**, sinh ngày 19/7/2012 cho chị **Đinh Thị P** chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Huỳnh Văn T** được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị **Đinh Thị P** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị **P** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007517, ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (chị **P** đã nộp xong).

5/ Quyền kháng cáo: Chị **Đinh Thị P** và anh **Huỳnh Văn T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND cùng cấp;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Đường sự;
- Lưu.

**Lê Thị Thanh Thảo**